

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 3MAX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 3MAX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 3MAX SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 3MAX CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109505954

3. Ngày thành lập: 22/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 16 ngõ 34 đường La Tinh, xóm 3 Thôn La Tinh, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985181926

Fax:

Email: hanubinhduong@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm in như phác thảo, maket, bản nháp	1812
4.	Quảng cáo	7310
5.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4669
20.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
28.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
33.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
34.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
35.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
36.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
38.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
39.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
41.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Cung cấp quản lý hoạt động của của website và/jpawkc xiwr lý dữ liệu được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính)	8110
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

43.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
44.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
46.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính, thuế, kiểm toán, chứng khoán)	6619
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Công thông tin Chi tiết: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6312
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hoá. Môi giới mua bán hàng hoá	4610
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
63.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
64.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
65.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
66.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
67.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
68.	Sản xuất đồng hồ	2652
69.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
70.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
71.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
72.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

73.	Sản xuất máy luyện kim	2823
74.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
75.	Phá dỡ	4311
76.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
77.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
78.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
79.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
80.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9521

6. Vốn điều lệ: 866.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VĂN CÔNG MÙI	Thôn La Tinh, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	433.000.000	50,000	017050278	
2	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	Thôn Quế Sơn, Xã Tân Ước, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	433.000.000	50,000	B8960832	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN BÌNH DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B8960832

Ngày cấp: 18/03/2014

Nơi cấp: Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quế Sơn, Xã Tân Ước, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quế Sơn, Xã Tân Ước, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội